

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lã Thị Nhung

2. Bà Nguyễn Thị Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Quế - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1182024/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1991;

2. Bị đơn: Anh **Vũ Thế T**, sinh năm 1987;

Đều có địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Vũ Thế T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình vào ngày 19/7/2022, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian tại gia đình nhà anh T rồi chuyển lên Chung cư Môi trường xanh, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh sinh sống và làm việc (là tài sản riêng của chị Đ). Sau đó vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn do anh T chơi bời, không chịu làm ăn phát triển kinh tế gia đình. trong thời gian gần 02 năm chung sống anh T đã mang xe máy nhãn hiệu Hoda Lead của chị Đ đi cầm lấy tiền tiêu sài, ăn chơi đến 04 lần. Vợ chồng anh chị đến nay đã sống ly thân, chị Đ ở tại Bắc Ninh để sinh sống và làm việc còn anh T về nhà tại thôn B, xã N, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm

trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không có tiếng nói chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Vũ Thế T.

Về con chung: Chị với anh Vũ Thế T có 02 con chung song sinh là Vũ Ngọc H1 và Vũ Ngọc H2, sinh ngày 24/01/2023 hiện do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện chị làm Phó Trưởng phòng Tổng vụ Công ty TNHH điện tử G (Việt Nam), mức lương 20.072.764 đồng một tháng; có mẹ đẻ ở cùng, giúp chị chăm sóc và nuôi dưỡng các con và chị có Nhà chung cư Môi trường xanh, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh là tài sản riêng của chị có đủ điều kiện để bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Vũ Thế T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Về tình trạng hôn nhân, anh xác định anh với chị Đ có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng như chị Đ trình bày. Anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do từ ngày sinh hai cháu (sinh đôi) phát sinh nhiều chi phí nên chị Đ đã làm đơn xin ly hôn anh. Anh không đồng ý ly hôn chị Đ mà muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để chăm sóc các con chung.

Về con chung: Anh xác định anh chị có 02 con chung song sinh là Vũ Ngọc H1 và Vũ Ngọc H2, sinh ngày 24/01/2023 hiện do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh chị ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi một con là cháu Vũ Ngọc H1 còn chị Đ nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc H2. Hiện anh làm nghề lái xe thuê, thu nhập 13-14 triệu đồng/ tháng. Anh có đủ điều kiện để nuôi một con nên tự nguyện không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai người làm chứng và tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Đ với anh T có mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 và cháu H2, ghi sự tự nguyện của các đương sự, không yêu cầu cấp dưỡng (do hai cháu sinh đôi, cùng sinh ngày

24/01/2023, tính đến thời điểm ly hôn hai cháu đều dưới 36 tháng tuổi). Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Đ chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc Đ khởi kiện về ly hôn và nuôi con là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Vũ Thế T có địa chỉ tại xã thôn D, xã N, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Vũ Thế T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình vào ngày 19/7/2022 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, anh T thiếu trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra chị Đ cũng có mâu thuẫn với mẹ chồng. Hiện anh chị sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng. Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp để cải thiện quan hệ hôn nhân. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa hai bên nhưng chị Đ vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy anh chị ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị Đ được ly hôn anh T để anh chị ổn định cuộc sống riêng.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung song sinh là Vũ Ngọc H1 và Vũ Ngọc H2, sinh ngày 24/01/2023 hiện do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hai cháu còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ; chị Đ có đủ điều kiện về chỗ ở, thu nhập để bảo đảm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; mẹ đẻ chị Đ còn khỏe mạnh có thể hỗ trợ chị Đ trong việc nuôi dạy, chăm sóc con chung. Do vậy, cần giao hai con chung của chị Đ với anh T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ là không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc Đ ly hôn anh Vũ Thế T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Vũ Ngọc H1 và Vũ Ngọc H2, đều sinh ngày 24/01/2023 cho chị Nguyễn Ngọc Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Đ không yêu cầu anh Vũ Thế T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0004985 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình (để ghi vào sổ Hộ tịch. CNKH số 57/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Đức Chính (đã ký)**